

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Văn Có

2. Ông Nguyễn Xuân Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Giới Mạnh Phi - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thô lý số 584/2022/DSST-ST ngày 26/12/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2024/QĐXX-DSST ngày 25/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Lê Đức H**; Địa chỉ: Căn hộ C CT4A Khu đô thị V, N, Khánh Hòa. Đại diện theo uỷ quyền: Ông Đào Vũ L; địa chỉ: D T, P, N, Khánh Hòa.

Bị đơn: **Bà Đỗ Thị Kim N**; Địa chỉ: thôn P, xã P, N, Khánh Hòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Bà Trần Thị N1**; Địa chỉ: Căn hộ C CT4A Khu đô thị V, N, Khánh Hòa.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Đào Vũ L; Địa chỉ: D T, P, N, Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 11 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Đức H và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Đào Vũ L trình bày:

Ông Lê Đức H và bà Đỗ Thị Kim N có quan hệ làm ăn. Vào năm 2021 (không nhớ chính xác ngày tháng), ông H và vợ là bà Trần Thị N1 có cho bà Đỗ Thị Kim N vay 100 triệu đồng. Đến ngày 09/6/2021, vợ chồng ông H bà N tiếp tục cho bà Đỗ Thị Kim N vay 200 triệu đồng. Lần cho vay này, vợ chồng ông H,

bà N và bị đơn bà Đỗ Thị Kim N cùng đến phòng công chứng lập hợp đồng vay tiền, nhập 2 khoản vay này lại thành 300 triệu đồng. Vợ chồng ông H, bà N và bị đơn bà Đỗ Thị Kim N thoả thuận trong thời hạn 6 tháng bị đơn bà Kim N phải trả lại cho vợ chồng ông H, bà N số tiền là 300 triệu đồng. Tuy nhiên cho đến nay dù vợ chồng ông H, bà N nhiều lần đòi nợ nhưng bị đơn bà Đỗ Thị Kim N vẫn không chịu trả số nợ 300 triệu đồng nói trên.

Vào ngày 08/02/2022, ông Lê Đức H tiếp tục cho bà Đỗ Thị Kim N vay 20 triệu đồng, thời hạn vay là 30 ngày. Tuy nhiên cho đến nay bị đơn bà Kim N vẫn không trả số nợ trên.

Nay nguyên đơn ông Lê Đức H khởi kiện bị đơn bà Đỗ Thị Kim N với các yêu cầu như sau:

1. Yêu cầu bị đơn bà Đỗ Thị Kim N phải trả cho ông Lê Đức H và vợ là bà Trần Thị N1 số tiền gốc 300 triệu đồng (ba trăm triệu đồng) theo hợp đồng công chứng ngày 09/6/2021; và trả lãi theo lãi suất 10%/năm của thời gian chậm trả đối với số tiền gốc 300 triệu đồng kể từ tháng 01/2022 cho đến tháng 01/2025 số tiền lãi là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng), tổng cộng cả gốc và lãi là 390.000.000 đồng (ba trăm chín mươi triệu đồng).

2. Yêu cầu bị đơn bà Đỗ Thị Kim N phải trả cho ông Lê Đức H 20 triệu đồng theo “Giấy mượn tiền” lập ngày 08/02/2022 giữa ông Lê Đức H với bà Đỗ Thị Kim N. Ông H không yêu cầu trả lãi đối với số nợ 20 triệu đồng.

Bị đơn Bà Đỗ Thị Kim N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa trình bày ý kiến.

Đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N1 trình bày: Với tư cách là đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N1, tôi có ý kiến như sau: Bà Trần Thị N1 hoàn toàn thống nhất với các lời khai của nguyên đơn và đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ngoài ra bà N1 không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đức H như sau:

-Buộc bị đơn bà Đỗ Thị Kim N phải trả cho vợ chồng nguyên đơn ông Lê Đức H và bà Trần Thị N1 số tiền nợ gốc là 300 triệu đồng và nợ lãi là 90.000.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 390.000.000 đồng.

-Buộc bị đơn bà Đỗ Thị Kim N phải trả cho nguyên đơn ông Lê Đức H số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng;

-Buộc bị đơn bà Đỗ Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Đỗ Thị Kim N, nhưng bị đơn không đến Tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng tại phiên tòa bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn bà Đỗ Thị Kim N.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 300 triệu đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo ông Lê Đức H trình bày: vào năm 2021, ông H và vợ là bà Trần Thị N1 có cho bà Đỗ Thị Kim N vay 100 triệu đồng. Đến ngày 09/6/2021, vợ chồng ông H bà N tiếp tục cho bà Đỗ Thị Kim N vay 200 triệu đồng. Lần cho vay này, vợ chồng ông H, bà N và bị đơn bà Đỗ Thị Kim N cùng đến Phòng công chứng lập hợp đồng vay tiền, nhập 2 khoản vay này lại thành 300 triệu đồng. Ông H xuất trình chứng cứ là bản “Hợp đồng vay tiền” giữa bên cho vay là ông Lê Đức H và bà Trần Thị N1, bên vay là bà Đỗ Thị Kim N. Hợp đồng lập ngày 09 tháng 6 năm 2021, được công chứng hợp pháp. Ngoài ra, ông H còn bổ sung thêm chứng cứ là bản sao chụp từ điện thoại các tin nhắn, theo ông H trình bày: đây là tin nhắn giữa ông H và bị đơn bà Đỗ Thị Kim N, nội dung các tin nhắn thể hiện bà Kim N thừa nhận còn nợ ông H 300 triệu đồng theo hợp đồng hai bên đã công chứng. Tòa án đã triệu tập bị đơn nhiều lần, đã công khai chứng cứ và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà N nhưng bà N không đến Tòa và cũng không có ý kiến gì. Như vậy, bà Kim N đã từ bỏ quyền của đương sự. Căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình, Hội đồng xét xử thấy rằng: việc ông Lê Đức H và bà Trần Thị N1 cho bà Đỗ Thị Kim N vay 300 triệu đồng là đúng sự thật.

Theo “Hợp đồng vay tiền” lập ngày 09 tháng 6 năm 2021, ông Lê Đức H, bà Trần Thị N1 cho bà Đỗ Thị Kim N vay 300.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày công chứng 09/6/2021. Đến nay, bà Kim N chưa trả nợ cho ông H và bà Trần Thị N1 là vi phạm Điều 2 của Hợp đồng và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó nguyên đơn ông Lê Đức H đòi bị đơn bà Đỗ Thị Kim N phải trả cho vợ chồng ông Lê Đức H và bà Trần Thị N1 số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu đồng), yêu cầu này có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Đức H đòi bị đơn bà Đỗ Thị Kim N phải trả tiền lãi trên số nợ gốc 300.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông H yêu cầu bà Kim N phải trả cho vợ chồng ông H tiền lãi theo lãi suất 10%/năm của thời gian chậm trả đối với số tiền gốc 300 triệu đồng kể từ tháng 3

01/2022 đến tháng 02/2025 với số tiền lãi là 90.000.000 đồng. Theo thoả thuận tại Hợp đồng, thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày 09/6/2021. Như vậy thời gian bà Kim N phải trả nợ cho vợ chồng ông H là ngày 10/12/2021. Ông H yêu cầu bà Kim N phải trả cho vợ chồng ông H tiền lãi chậm trả kể từ tháng 01/2022 đến ngày 28/02/2025 với mức lãi suất 10%/năm là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi bị đơn bà Kim N phải trả cho vợ chồng ông H là:

$300.000.000 \text{ (đồng)} \times 10\%/\text{năm} \times 3 \text{ (năm)} = 90.000.000 \text{ đồng (chín mươi triệu đồng)}.$

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi bị đơn bà Đỗ Thị Kim N phải trả cho vợ chồng ông Lê Đức H và bà Trần Thị N1 là:

$300.000.000 \text{ đồng (nợ gốc)} + 90.000.000 \text{ (nợ lãi)} = 390.000.000 \text{ đồng}.$

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Đức H đòi bị đơn bà Đỗ Thị Kim N phải trả cho ông H số nợ gốc 20.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông H xuất trình cho Tòa án bản gốc “Giấy mượn tiền” đề ngày 08/02/2022. Nội dung giấy mượn tiền thể hiện: Bà Đỗ Thị Kim N có mượn của ông Lê Đức H số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu đồng), thời gian 30 ngày, kể từ ngày 08/02/2022 đến 08/03/2022, bà N sẽ hoàn lại. Tuy nhiên theo ông H khai đến nay bà Kim N chưa trả cho ông H số tiền này. Ông H khởi kiện yêu cầu bà Kim N phải trả cho ông H 20.000.000 đồng nợ gốc theo Giấy mượn tiền, ông H không yêu cầu bà Kim N trả lãi. Bà Kim N vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thoả thuận tại hợp đồng và vi phạm Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, do đó ông H khởi kiện yêu cầu bà Kim N phải trả nợ gốc 20.000.000 đồng là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Tổng số tiền bị đơn bà Đỗ Thị Kim N phải trả cho vợ chồng ông, H bà N và trả riêng cho ông H là $390.000.000 \text{ đồng} + 20.000.000 \text{ đồng} = 410.000.000 \text{ đồng}$. Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đức H được chấp nhận nên bị đơn bà Đỗ Thị Kim N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 20.400.000 đồng (hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng). H1 lại cho ông Lê Đức H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông Lê Đức H đã nộp là 8.531.000 đồng (tám triệu năm trăm ba mươi một nghìn đồng).

$V \times c, c \text{ lãi } tr^n,$

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Quyết định

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đức H.

2. Buộc bị đơn bà Đỗ Thị Kim N phải trả cho vợ chồng ông Lê Đức H và bà Trần Thị N1 số tiền nợ gốc là 300 triệu đồng và nợ lãi là 90.000.000 đồng, tổng cộng là 390.000.000 đồng.

3. Buộc bị đơn bà Đỗ Thị Kim N phải trả cho nguyên đơn ông Lê Đức H số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng.

4. Về án phí: bị đơn bà Đỗ Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.400.000 đồng (*hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Lê Đức H 8.531.000 đồng (*tám triệu năm trăm ba mươi một nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông Lê Đức H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0010844 ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

Kể từ ngày ông Lê Đức H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đỗ Thị Kim N không trả hoặc không trả đủ số tiền nêu trên thì bà Đỗ Thị Kim N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Trên đây là nội dung bản án của Hội thẩm nhân dân tham phán - Chủ tọa phiên tòa. Bị đơn bà Đỗ Thị Kim N phải chấp hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự. Bị đơn ông Lê Đức H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thanh H2